SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

# TRƯỜNG THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

**NỘI DUNG HỌC TẬP TUẦN 9 🡪 12 (HK2)**

**MÔN ĐỊA LÍ – KHỐI 12**

**CHỦ ĐỀ 10 : ĐỊA LÍ CÁC VÙNG KINH TẾ (8 tiết)**

***Nội dung 1 :***

**VẤN ĐỀ KHAI THÁC THẾ MẠNH Ở TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ**

**I. KHÁI QUÁT CHUNG**

**1. Lãnh thổ**

- Gồm 15 tỉnh *(đọc Atlat trang 26)*

+ **Tây Bắc**: Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hoà Bình.

+ **Đông Bắc**: Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Bắc Giang, Quảng Ninh.

- Diện tích: Là vùng có diện tích lớn nhất nước ta (trên 101 nghìn km2), chiếm khoảng 30,5% diện tích cả nước.

**2. Vị trí địa lí**

- Vùng có vị trí đặc biệt (giáp Trung Quốc, Lào ; liền kề ĐBSH, Bắc Trung Bộ và giáp vịnh Bắc Bộ).

- Vùng đang được đầu tư, nâng cấp mạng lưới giao thông vận tải, đẩy mạnh giao lưu với Trung Quốc, Lào, Duyên hải BTB, ĐBSH và xây dựng nền kinh tế mở.

**II. CÁC THẾ MẠNH**

**1. Khai thác, chế biến khoáng sản và thuỷ điện**

**a. Khoáng sản**

- Vùng giàu khoáng sản bậc nhất cả nước.

- Các khoáng sản chính: than, sắt, thiếc, chì – kẽm, đồng, apatit, pirit, đá vôi và sét làm xi măng, gạch ngói, gạch chịu lửa,…

- Khai thác gặp nhiều khó khăn: chi phí, phương tiện, GTVT…

**\* *Tình hình khai thác và chế biến khoáng sản:***

***- Than:*** ở Quảng Ninh (than antraxit)

+ Trữ lượng lớn bậc nhất và chất lượng than tốt nhất Đông Nam Á.

+ Sản lượng khai thác >30 triệu tấn/năm, làm nguyên liệu cho nhà máy nhiệt điện (Uông Bí, Na Dương, Cẩm Phả, Cao Ngạn…) và xuất khẩu.

+ Than còn có ở : Thái Nguyên (than mỡ), Lạng Sơn (than nâu), Lai Châu (than nâu).

***- Khoáng sản kim loại:*** đồng - ni ken (Sơn La), đất hiếm (Lai Châu), Sắt (Yên Bái), thiếc và bôxit (Cao Bằng), chì - kẽm (Bắc Kạn), đồng, vàng (Lào Cai). Sản xuất khoảng 1000 tấn thiếc/năm.

***- Khoáng sản phi kim loại****:* apatit (Lào Cai), khai thác 600 nghìn tấn/năm để sản xuất phân lân.

**b. Thuỷ điện**

- Vùng có trữ năng thuỷ điện lớn nhất nước. Hệ thống sông Hồng (11 triệu kW) chiếm hơn 1/3 trữ năng thuỷ điện cả nước, riêng sông Đà chiếm gần 6 triệu kW.

- Nguồn thủy năng được khai thác làm các nhà máy thủy điện: Hòa Bình trên sông Đà (1920MW), Thác Bà trên sông Chảy (110 MW), Tuyên Quang trên sông Gâm 342MW, Sơn La trên sông Đà (2400MW).

⭢ Việc phát triển thuỷ điện tạo ra động lực mới cho sự phát triển của vùng, nhất là khai thác và chế biến khoáng sản trên cơ sở nguồn điện rẻ và dồi dào, nhưng cần chú ‎ý đến môi trường.

=> Quá trình xây dựng và các hoạt động của các công trình thủy điện lớn chịu tác động lớn của BĐKH và ngược lại.

**2. Trồng và chế biến cây công nghiệp, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt, ôn đới**

***- Thuận lợi :***

**+ *Đất*:** đất feralit trên đá phiến, đá vôi và đá mẹ khác, đất phù sa sông, phù sa cổ.

**+ *Khí hậu:*** nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh, lại ảnh hưởng sâu sắc của địa hình vùng núi 🡪 Là thế mạnh phát triển cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới.

**+ *Dân cư***: có kinh nghiệm sản xuất

**+ *Thi trường:*** có nhu cầu tiêu thụ lớn.

**- *Khó khăn*:**

+ Địa hình hiểm trở, khí hậu cực đoan (rét đậm, rét hại, sương muối, sương giá, thiếu nước vào mùa đông,…)

+ Tình trạng suy thoái đất trồng ở một số nơi.

+Mạng lưới các cơ sở chế biến nông sản chưa tương xứng với thế mạnh của vùng.

- Việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp và cây đặc sản cho phép phát triển nền nông nghiệp hàng hóa có hiệu quả cao, hạn chế nạn du canh du cư.

***\* Tình hình phát triển và phân bố***

***+ Phát triển cây công nghiệp*:** Chè là vùng trồng chè lớn nhất cả nước, nhiều loại chè nổi tiếng ở Thái Nguyên, Phú Thọ, Hà Giang,…

***+ Các cây thuốc quí*** *:* đương quy, đỗ trọng, tam thất, hồi, thảo quả…

**+ *Các cây ăn quả:*** đào, lê, mận… trồng nhiều ở vùng giáp biên giới Lạng Sơn, Cao Bằng, Hoàng Liên Sơn.

+ Ở Sa Pa có thể trồng *rau ôn đới*, sản xuất *hạt giống*rau quanh năm, *trồng hoa*xuất khẩu.

+ Khả năng mở rộng diện tích, nâng cao năng suất cây trồng còn rất lớn.

+ Hiện nay sự gia tăng của thiên tai: Xói mòn, trượt lở đất, rét đậm, rét hại…do BĐKH ảnh hưởng đến năng suất cây trồng, vật nuôi.

**3. Chăn nuôi gia súc**

**- *Thuận lợi*:**

+ Có nhiều đồng cỏ 🡪 phát triển chăn nuôi trâu, bò, ngựa, dê.

+ Vùng đã giải quyết được lương thực cho người dân ⭢ nên dành hoa màu cho chăn nuôi lợn.

+ Người dân có nhiều kinh nghiệm trong chăn nuôi.

+ Nhu cầu thị trường lớn.

**- *Khó khăn*:** Việc vận chuyển sản phẩm chăn nuôi tới vùng tiêu thụ (đồng bằng và đô thị) còn nhiều trở ngại, đồng cỏ cần cải tạo…

***- Hiện trạng sản xuất:***Đàn trâu, bò phát triển mạnh nhất cả nước. Năm 2005 có:

**+ Đàn trâu**: chiếm hơn 1/2 đàn trâu cả nước, được nuôi nhiều ở Đông Bắc, do chịu rét hơn bò.

**+ Đàn b**ò: chiếm 16% cả nước nuôi nhiều ở Tây Bắc, bò sữa ở Mộc Châu.

**+ Đàn lợn** : tăng nhanh, chiếm 21% cả nước.

**4. Kinh tế biển**

**-** Đánh bắt và nuôi trồng thủy sản:

+ Giáp vịnh Bắc Bộ, vùng biển Quảng Ninh giàu tiềm năng.

+ Ngành thủy sản phát triển mạnh, nhất là đánh bắt xa bờ và nuôi trồng.

- Du lịch biển:

+ Giàu tài nguyên du lịch biển – đảo, tiêu biểu là vịnh Hạ Long.

+ Ngành du lịch phát triển mạnh: Hạ Long được xếp vào Di sản thiên nhiên thế giới.

- Giao thông vận tải biển:

+ Có nhiều vũng, vịnh có thể xây dựng cảng nước sâu.

+ Ngành GTVT biển phát triển mạnh, trong đó cảng Cái Lân được xây dựng, tạo đà hình thành khu công nghiệp Cái Lân.

- Khoáng sản: có mỏ cát trắng để làm thủy tinh ở Vân Hải, hiện nay đang khai thác.

**Nội dung 2: VẤN ĐỀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO NGÀNH**

**Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**

**1. Các thế mạnh chủ yếu của vùng**

***a. Vị trí địa lí***

- Gồm: thủ đô Hà Nội, TP Hải Phòng, và các tỉnh VP, BN, HD, HY, HN, NĐ, TB, NB. *(đọc Atlat).*

- Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc

***-*** Giáp các vùng TDMNBB, BTB và Biển Đông.

***🡪 Ý nghĩa*:**

+ Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc dễ thu hút đầu tư, tạo động lực phát triển vùng và các vùng khác.

+ Dễ dàng giao lưu kinh tế với các vùng khác và với nước ngoài.

+ Nằm gần các vùng giàu tài nguyên (khoáng sản, lâm sản, thủy điện, thủy sản) 🡪 cung cấp nguyên liệu, năng lượng cho ĐBSH.

***b. Tự nhiên***

**- *Đất:*** Đất nông nghiệp chiếm 51,2% diện tích vùng, trong đó đất phù sa màu mỡ là 70%, thuận lợi phát triển nông nghiệp.

**- *Khí hậu*:** nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh, 🡪 cơ cấu cây trồng đa dạng.

**- *Nước:*** Tài nguyên nước phong phú (nước mặt, nước ngầm, nước nóng, nước khoáng). Có giá trị lớn về kinh tế là hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình.

**- *Biển*:** bờ biển dài 400 km, vùng biển có tiềm năng lớn để phát triển nhiều ngành kinh tế (đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản, giao thông, du lịch).

**- Khoáng sản:** ít, trữ lượng không lớn: đá vôi (Hải Phòng, Ninh Bình), sét cao lanh (Hải Dương), than nâu, khí tự nhiên (Thái Bình).

**- *Tài nguyên du lịch* phong phú**

+ Nhân văn: Hồ Gươm, Lăng Bắc, cổ loa

+ Tự nhiên: Bãi biển Đồ Sơn (Hải Phòng), Tam Đảo (Vĩnh Phúc), Hoa Lư, Tam Cốc, Bích Động (Ninh Bình)...

***c. Kinh tế xã hội***

**- *Dân cư - lao động*:** dồi dào, có kinh nghiệm sản xuất, có trình độ cao.

**- *Cơ sở hạ tầng:*** phát triển mạnh: giao thông vận tải, điện nước …

**- *Cơ sở vật chất - kĩ thuật:*** tương đối hoàn chỉnh và đồng bộ

**- *Thị trường tiêu thụ*** trong và ngoài nước rộng lớn.

**- *Lịch sử* khai thác lãnh thổ** lâu đời.

**- *Chính sách:*** có sự đầu tư của Nhà nước và nước ngoài.

**2. Các hạn chế chủ yếu của vùng**

**- *Dân số*** đông, mật độ dân số cao nhất nước ⭢ gây sức ép lên sự phát triển KT, khó giải quyết việc làm.

**- *Tài nguyên*** không thật phong phú, sử dụng chưa hợp lí. Khai thác quá mức dẫn đến một số loại tài nguyên như đất, nước … bị xuống cấp. Thiếu nguyên liệu cho phát triển CN, phải nhập từ các vùng khác.

***- Nhiều thiên tai:*** bão, lũ lụt, hạn hán… BĐKH khiến nước biển dâng, giảm diện tích canh tác 🡪 Cần phải chủ động ứng phó với các tác động của BĐKH trong vùng.

- **Sự *chuyển dịch cơ cấu KT* còn chậm**, chưa phát huy hết thế mạnh của vùng.

**3. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành và các định hướng chính**

***a. Thực trạng***

- Cơ cấu KT theo ngành có sự chuyển dịch tích cực, theo hướng CNH và HĐH:

+ Giảm dần tỉ trọng nông - lâm - ngư nghiệp.

+ Tăng dần tỉ trọng của công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.

- Tốc độ chuyển dịch còn chậm.

***b. Các định hướng chính***

- Xu hướng chung: Giảm tỉ trọng KV I (nông – lâm – ngư nghiệp), tăng nhanh tỉ trọng của khu vực II (công nghiệp – xây dựng) và khu vực III (dịch vụ) trên cơ sở đảm bảo tăng trưởng kinh tế tốc độ nhanh, hiệu quả cao gắn với giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường.

- Trong nội bộ từng ngành:

+ KV I: Giảm tỉ trọng trồng trọt, tăng tỉ trọng chăn nuôi và thuỷ sản.

Trong trồng trọt: giảm tỉ trọng cây lương thực, tăng tỉ trọng cây CN, cây thực phẩm, cây ăn quả.

+ KV II: Hình thành các ngành CN trọng điểm như chế biến lương thực – thực phẩm, dệt - may và da giày, sx vật liệu xây dựng, cơ khí - kĩ thuật điện - điện tử.

+ KV III: Đẩy mạnh phát triển du lịch, tài chính, ngân hàng, giáo dục - đào tạo….

**Nội dung 3: VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở BẮC TRUNG BỘ**

**1. Khái quát chung**

**- Lãnh thổ**

+ Gồm 6 tỉnh: *(đọc Atlat).*

+ Diện tích: 51,5 nghìn km2.

*-* Vị trí địa lí

*+*Thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

+ Tiếp giáp ĐBSH, TDMNBB, Lào, Nam Trung Bộ và Biển Đông ⭢ thuận lợi cho giao lưu, phát triển KT.

+ Thừa Thiên – Huế nằm trong vùng KT trọng điểm miền Trung.

**2. Hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp**

***\* Ý nghĩa của vấn đề hình thành cơ cấu nông – lâm – ngư nghiệp***

+ Góp phần tạo ra cơ cấu ngành của vùng.

+ Tạo thế liên hoàn trong phát triển cơ cấu kinh tế theo không gian.

+ Phát huy các thế mạnh sẵn có của vùng về nông – lâm – ngư nghiệp để phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

***a. Khai thác thế mạnh về lâm nghiệp***

**\* *Tiềm năng và hiện trạng***

- Diện tích rừng: 2,46 triệu ha, chiếm 20% DT rừng cả nước.

- Độ che phủ: đứng thứ 2 cả nước, sau Tây Nguyên.

- Trong rừng có nhiều gỗ quý (táu, lim, sến, lát hoa, săng lẻ…,) nhiều lâm sản, chim, thú quý.

- Rừng giàu chỉ còn tập trung sát biên giới Việt – Lào ⭢ khó khai thác.

- Rừng sản xuất chiếm khoảng 34% diện tích, 50% diện tích là rừng phòng hộ và 16% là rừng đặc dụng.

- Nhiều lâm trường khai thác, tu bổ và bảo vệ rừng.

**\* *Ý nghĩa***

- Bảo vệ môi trường sống của động vật hoang dã, giữ gìn nguồn gien quý hiếm.

- Điều hòa nguồn nước, hạn chế lũ đột ngột trên các sông ngắn và dốc.

- Trồng rừng ven biển tác dụng chắn gió, bão, ngăn cát bay,cát chảy lấn đồng ruộng, làng mạc.

- Bảo vệ và phát triển vốn rừng làm giảm nhẹ tác động của BĐKH.

***\* Biện pháp***

- Cần bảo vệ, khai thác có hiệu quả, hợp lí, tu bổ, trồng rừng mới.

- Đẩy mạnh chế biến lâm sản, tránh xuất khẩu gỗ tròn…..

***b. Khai thác tổng hợp các thế mạnh về nông nghiệp của trung du, đồng bằng và ven biển***

***\* Ở vùng đồi trước núi :***

- Nhiều *đồng cỏ* thuận lợi chăn nuôi đại gia súc: đàn trâu chiếm ¼ đàn trâu cả nước, đàn bò chiếm hơn 1/5 đàn bò cả nước.

- *Đất bdan* thuận lợi hình thành vùng chuyên canh cây CN lâu năm: cà phê ở Tây Nghệ An và Quảng Trị; cao su và hồ tiêu ở Quảng Bình và Quảng Trị; chè ở Tây Nghệ An ,…

***\* Ở các đồng bằng ven biển:***

- Chủ yếu là *đất cát pha* thuận lợi trồng cây CN hàng năm (lạc, mía, thuốc lá…).

- Hình thành vùng thâm canh lúa, bình quân lương thực/người tăng khá.

***c. Đẩy mạnh phát triển ngư nghiệp***

- Tỉnh nào cũng có biển, bãi cá, bãi tôm, nhiều thuỷ hải sản quí ⭢ thuận lợi cho đánh bắt. Nghệ An là tỉnh trọng điểm về nghề cá.

- Chủ yếu là đánh bắt ven bờ do tàu thuyền có công suất nhỏ.

- Đang phát triển khá mạnh nuôi trồng thuỷ sản nước lợ, nước mặn.

- Công nghiệp chế biến ngày càng đa dạng, phong phú.

- *Khó khăn*: phương tiện đánh bắt lạc hậu, nguồn lợi thủy hải sản suy giảm, ⭢ khai thác hợp lí và bảo vệ nguồn lợi có ý nghĩa cấp bách.

**3. Hình thành cơ cấu công nghiệp và phát triển cơ sở hạ tầng GTVT**

***a. Phát triển các ngành CN trọng điểm và các trung tâm CN chuyên môn hóa***

***\* Điều kiện phát triển***

- Nhiều khoáng sản có giá trị: mỏ sắt (Hà Tĩnh), crômit (Thanh Hoá), thiếc (Nghệ An), ôxit titan, đất sét, cao lanh, đá vôi làm xi măng…

- Nguyên liệu từ nông – lâm – thủy sản.

- Nguồn lao động dồi dào, giá rẻ.

- Hạn chế về kĩ thuật, vốn, cơ sở năng lượng.

=> Cơ cấu công nghiệp của vùng chưa thật định hình và sẽ có nhiều biến đổi.

**\* Các ngành công nghiệp**

- Sản xuất xi măng: Bỉm Sơn, Nghi Sơn (Thanh Hóa), Hoàng Mai (Nghệ An).

- Nhà máy thép liên hợp: Hà Tĩnh.

- Ưu tiên phát triển CN năng lượng, chủ yếu dựa vào điện lưới quốc gia, các nhà máy thủy điện đang được xây dựng: Bản Vẽ, Cửa Đạt, Rào Quán.

**\* Các trung tâm CN:** Thanh Hoá - Bỉm Sơn, Vinh, Huế…

***b. Xây dựng cơ sở hạ tầng trước hết là GTVT***

- Đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng.

- Các *tuyến đường* quan trọng: Quốc lộ 1, đường sắt Thống Nhất, đường Hồ Chí Minh, các tuyến đường ngang (quốc lộc 7, 8, 9), đường hầm qua Hoành Sơn và Hải Vân.

- Các *cửa khẩu* được mở rộng để tăng cường giao thương với các nước láng giềng: Lao Bảo, Cha Lo, Cầu Treo, …

- Các *cảng nước sâu* đang được xây dựng gắn liền với sự hình thành các khu kinh tế cảng biển: Nghi Sơn, Vũng Áng, Chân Mây.

- Hệ thống *sân bay* được nâng cấp: Phú Bài (Huế), Vinh (Nghệ An), Đồng Hới (Quảng Bình) giúp phát triển kinh tế, văn hóa, du lịch.

**Nội dung 4: VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KT-XH Ở DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ**

**1. Khái quát chung**

- Gồm 8 tỉnh, thành: *(đọc Atlat).*

*-* Có 2 quần đảo xa bờ là Hoàng Sa (thuộc TP Đà Nẵng) và Trường Sa (thuộc tỉnh Khánh Hòa).

- Diện tích: 44,4 nghìn km2.

- Vị trí địa lý: tiếp giáp Lào, Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Biển Đông.

**2. Phát triển tổng hợp kinh tế biển**

***a. Nghề cá***

**- Đánh bắt:**

+ Tỉnh nào cũng giáp biển và có các bãi cá, bãi tôm. Có các ngư trường trọng điểm: Ninh Thuận – Bình Thuận – Bà Rịa – Vùng Tài, ngư trường Hoàng Sa - Trường Sa.

+ Nguồn lợi thủy hải sản phong phú, nhiều tôm, cá và các hải sản khác.

+ Sản lượng thuỷ sản lớn, chủ yếu là cá biển với nhiều loài cá quý, tôm, mực,....

**- Nuôi trồng:**

+ Bờ biển có nhiều vũng vịnh đầm phá ⭢ thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản.

+ Việc nuôi tôm hùm, tôm sú phát triển mạnh ở ở Phú Yên, Khánh Hòa.

- Công nghiệp chế biến ngày càng phát triển mạnh, nhiều sản phẩm nổi tiếng như nước mắm Phan Thiết…

- Trong tương lai ngành thuỷ sản sẽ có vai trò lớn hơn trong việc giải quyết vấn đề thực phẩm, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hoá.

- Tuy nhiên cần khai thác hợp lí và bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản.

***b. Du lịch biển***

- Có nhiều bãi biển nổi tiếng: Mỹ Khê, Sa Huỳnh, Quy Nhơn, Nha Trang, Mũi Né, …

- Trung tâm du lịch lớn và quan trọng: Nha Trang, Đà Nẵng…

- Phát triển du lịch biển gắn liền du lịch đảo, du lịch nghỉ dưỡng, thể thao.

***c. Dịch vụ hàng hải***

- Có nhiều địa điểm thuận lợi để xây dựng cảng nước sâu (Dung Quất, Vân Phong…).

- Có các cảng tổng hợp (Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang), và cảng nước sâu Dung Quất.

- *Sẽ* xây dựng cảng trung chuyển quốc tế lớn nhất nước ta ở vịnh Vân Phong.

***d. Khai thác khoáng sản ở thềm lục địa và sản xuất muối***

- Dầu khí: đang khai thác các mỏ ở phía đông quần đảo Phú Quý (Bình Thuận).

- Sản xuất muối: Cà Ná, Sa Huỳnh,… *(nhiệt độ cao, nắng nhiều, ít sông đổ ra biển).*

\* Gần đây BĐKH làm gia tăng nguy cơ thiên tai: Bão lũ ở phía bắc, khô hạn ở phía nam của vùng, tác động đến các hệ sinh thái và đa dạng sinh học 🡪 Cần phải chủ động ứng phó với tác động của BĐKH trong vùng.

**3. Phát triển công nghiệp và cơ sở hạ tầng**

***a. Công nghiệp***

- Các ngành CN chủ yếu: cơ khí, chế biến nông – lâm – thủy sản, sản xuất hàng tiêu dùng.

- Thúc đẩy hình thành các khu CN tập trung, khu chế xuất, thu hút đầu tư nc ngoài:

+ Hình thành chuỗi các trung tâm công nghiệp: Đà Nẵng (lớn nhất), Nha Trang, Quy Nhơn, Phan Thiết.

+ Hình thành vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, xây dựng khu kinh tế mở Chu Lai, khu kinh tế Dung Quất, ….sẽ thúc đẩy CN của vùng.

*- Khó khăn:* ít tài nguyên nhiên liệu và năng lượng, cơ sở năng lượng chưa đáp ứng nhu cầu phát triển của vùng.

**-** *Biện pháp****:*** giải quyết cơ sở năng lượng cho vùng

+ Sử dụng điện lưới quốc gia qua đường dây 500 KV.

+ Xây dựng các nhà máy thủy điện: Sông Hinh, Vĩnh Sơn, Hàm Thuận - Đa Mi, A Vương, Đa Nhim, Đại Ninh,…

+ Dự kiến xây dựng nhà máy điện nguyên tử đầu tiên ở vùng này.

🡪 CN của vùng sẽ có bước phát triển rõ nét.

***b. Cơ sở hạ tầng***

- *Ý nghĩa*: tạo ra thế mở cửa hơn nữa cho vùng và cho sự phân công lao động mới, tăng vai trò trung chuyển của vùng, đẩy mạnh giao lưu trong nước và quốc tế.

- Nâng cấp quốc lộ 1, đường sắt Bắc – Nam.

- Phát triển các tuyến đường ngang nối Tây Nguyên với các cảng: đường 19, 26,…

- Khôi phục, hiện đại hệ thống sân bay: sân bay quốc tế Đà Nẵng, sân bay nội địa Chu Lai, Quy Nhơn, Cam Ranh, Tuy Hoà.

**Nội dung 5: VẤN ĐỀ KHAI THÁC THẾ MẠNH Ở TÂY NGUYÊN**

**1. Khái quát chung**

- Gồm 5 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng.

- Diện tích: 54,7 nghìn km2.

- Vị trí địa lý: Là vùng duy nhất không giáp biển; Giáp Duyên hải Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ, Lào và Campuchia *⭢ Có vị trí đặc biệt quan trọng về quốc phòng và xây dựng kinh tế.*

**2. Phát triển cây công nghiệp lâu năm**

**\* *Điều kiện phát triển***

**- Thuận lợi:**

+ *Đất* badan có diện tích rộng, màu mỡ, phân bố tập trung ⭢ thuận lợi thành lập cácvùng chuyên canh quy mô lớn.

+*Khí hậu* cận xích đạo, có 1 mùa mưa và 1 mùa khô kéo dài, mùa khô thuận lợi để phơi sấy, bảo quản sản phẩm.

+ Nhiệt ẩm *phân hóa theo độ cao* ⭢ thuận lợi trồng cây CN nhiệt đới (cà phê, cao su…) và cây có nguồn gốc cận nhiệt (chè…).

**- Khó khăn:**

+ Mùa khô kéo dài, mực nước ngầm hạ thấp, hiện nay BĐKH còn làm cho vấn đề này trở nên gay gắt hơn⭢thuỷ lợi khó khăn, tốn kém, trở ngại cho sx và sinh hoạt.

+ Sự đắp đổi giữa mùa mưa và mùa khô kéo dài trên đất badan vụn bở, đe dọa xói mòn đất.

**\* *Tình hình phát triển và phân bố cây công nghiệp***

**- *Cây cà phê***

+ Là cây CN quan trọng số một của vùng.

+ Diện tích 450 nghìn ha, chiếm 4/5 cả nước (2006).

+ Phân bố khắp các tỉnh trong vùng, nhiều nhất là Đắk Lắk.

*+* Gồm có *cà phê chè* (trên các cao nguyên tương đối cao, khí hậu mát: Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng); *Cà phê vối* (trồng ở vùng nóng hơn, chủ yếu ở Đắk Lắk, cà phê Buôn Ma Thuột nổi tiếng chất lượng cao).

**- *Cây chè***

+ Trồng chủ yếu trên các cao nguyên ở Lâm Đồng, Gia Lai. Lâm Đồng có diện tích trồng chè lớn nhất nước.

+ Chế biến chè ở nhà máy Biển Hồ (Gia Lai) và Bảo Lộc (Lâm Đồng).

**- *Cây cao su***

+ Diện tích lớn thứ 2 cả nước, sau Đông Nam Bộ.

+ Phân bố chủ yếu ở Gia Lai và Đắk Lắk.

**\* *Ý nghĩa***

- Thu hút hàng vạn lao động từ các vùng khác 🡪 giải quyết việc làm.

- Tạo mặt hang xuất khẩu có giá trị.

- Tạo ra tập quán sản xuất mới cho đồng bào các dân tộc Tây Nguyên.

**\* *Giải pháp nâng cao hiệu quả KT – XH của sản xuất cây CN ở Tây Nguyên:***

- Hoàn thiện quy hoạch các vùng chuyên canh cây CN; mở rộng diện tích cây CN có kế hoạch và có cơ sở khoa học, đi đôi với việc bảo vệ rừng và phát triển thủy lợi.

- Đa dạng hoá cơ cấu cây CN, để hạn chế rủi ro trong tiêu thụ sản phẩm, vừa sử dụng hợp lí‎ tài nguyên.

- Đẩy mạnh chế biến sản phẩm cây CN và xuất khẩu.

**3. Khai thác và chế biến lâm sản**

**\* *Thuận lợi***

- Rừng che phủ 60% diện tích, chiếm 36% diện tích đất có rừng và 52% sản lượng gỗ có thể khai thác của cả nước.

- Rừng có nhiều gỗ quí: cẩm lai, gụ, nghiến, trắc, sến… và nhiều loài chim, thú quí: voi, bò tót, gấu…

=> Là “kho vàng xanh” của cả nước. Lâm nghiệp là 1 thế mạnh nổi bật của Tây Nguyên.

**\* *Khó khăn***

- Rừng bị suy giảm⭢sản lượng khai thác gỗ hàng năm giảm, nay chỉ còn 200 – 300 nghìn m3/ năm.

- Nạn phá rừng gia tăng⭢lớp phủ rừng giảm, trữ lượng gỗ quý giảm 🡪 góp phần gây BĐKH 🡪 đe doạ môi trường sống của các loài chim, thú quý, làm hạ mực nước ngầm về mùa khô.

- Phần lớn xuất khẩu gỗ tròn chưa qua chế biến.

- Gỗ cành, ngọn chưa được tận thu, gây lãng phí.

**\* *Biện pháp***

- Ngăn chặn nạn phá rừng.

- Khai thác rừng hợp lí đi đôi với khoanh nuôi, trồng rừng mới.

- Đẩy mạnh giao đất giao rừng .

- Đẩy mạnh việc chế biến gỗ tại địa phương, hạn chế xuất khẩu gỗ tròn.

- Chủ động ứng phó với những tác động của BĐKH trong vùng

**4. Khai thác thuỷ năng kết hợp với thuỷ lợi**

- Trữ năng thuỷ điện khá lớn: hệ thống sông Xê Xan, Xrê Pôk, Đồng Nai,…đang được sử dụng ngày càng hiệu quả.

- Các nhà máy thủy điện và các bậc thang thủy điện được xây dựng:

+ Trên hệ thống *sông Xê Xan*: thủy điện Yaly (720 MW), Xê xan 3, Xê xan 3A, Xê xan 4 và Plây Krông.

+ Trên hệ thống *sông Xrê Pôk*: thủy điện Buôn Kuôp, Buôn Tua Sra, Xrê Pôk 3, Xrê Pôk 4, Đức Xuyên, Đrây H’linh.

+ Trên hệ thống *sông Đồng Nai*: thủy điện Đại Ninh, Đa Nhim, Đồng Nai3, Đồng Nai4.

- Các công trình thủy điện có nhiều ý nghĩa lớn:

+ Tạo điều kiện cho các ngành CN của vùng phát triển: khai thác và chế biến bột nhôm từ nguôn bôxit.

+ Các hồ thủy điện đem lại nguồn nước tưới quan trọng trong mùa khô, ngoài ra còn khai thác cho mục đích du lịch, nuôi trồng thủy sản.

**Nội dung 6: VẤN ĐỀ KHAI THÁC LÃNH THỔ**

**THEO CHIỀU SÂU Ở ĐÔNG NAM BỘ**

**1. Khái quát chung**

- Gồm 6 tỉnh, thành: TP HCM, BD, BP, TN, ĐN, BR – VT.

- Diện tích vào loại nhỏ so với các vùng khác (23,6 nghìn km2), Dân số vào loại TB.

- Dẫn đầu cả nước về GDP, giá trị sản lượng công nghiệp và giá trị hàng xuất khẩu.

- Nền kinh tế hàng hóa sớm phát triển, cơ cấu kinh tế công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ phát triển hơn các vùng khác.

- Với ưu thế về vị trí địa lí, về nguồn lao động lành nghề, cơ sở vật chất kĩ thuật, có chính sách phát triển phù hợp, thu hút được nguồn đầu tư trong và ngoài nước, Đông Nam Bộ đang sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao.

- Vấn đề khai thác lãnh thổ theo chiều sâu là vấn đề tiêu biểu trong sự phát triển của vùng.

**2. Khai thác lãnh thổ theo chiều sâu**

***Khái niệm:*** *Khai thác lãnh thổ theo chiều sâu là việc nâng cao hiệu quả khai thác lãnh thổ trên cơ sở đẩy mạnh đầu tư vốn, khoa học công nghệ, nhằm khai thác tốt nhất các nguồn lực tự nhiên và kinh tế - xã hội, đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, đồng thời giải quyết tốt các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường.*

***a. Trong công nghiệp***

- Chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xấut công nghiệp của cả nước.

- Phát triển mạnh các ngành công nghệ cao: luyện kim, điện tử, chế tạo máy, tin học, hóa chất, hóa dược, thực phẩm…

- Vùng có nhu cầu rất lớn về năng lượng. Cơ sở năng lượng của vùng được giải quyết nhờ phát triển nguồn điện và mạng lưới điện:

+ Xây dựng các nhà máy *thủy điện*: Trị An trên sông Đồng Nai, Thác Mơ và Cần Đơn trên sông Bé.

+ Các nhà máy *điện tuốc bin khí* được xây dựng và mở rộng, lớn nhất là Trung tâm điện tuốc bin khí Phú Mỹ (Phú Mỹ 1 , 2 , 3 , 4), Bà Rịa, Thủ Đức.

+ Một số nhà máy *nhiệt điện chạy bằng dầu* phục vụ cho các khu chế xuất cũng được đầu tư xây dựng.

+ Đường dây cao áp 500 kV Hòa Bình – Phú Lâm (Tp Hồ Chí Minh) đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo nhu cầu năng lượng cho vùng.

+ Các trạm biến áp 500 kV và một số mạch 500 kV tiếp tục được xây dựng: tuyến Phú Mỹ - Nhà Bè, Nhà Bè – Phú Lâm.

+ Các công trình 220 kV, công trình trung thế và hạ thế được xây dựng theo quy hoạch.

- Phát triển CN của vùng không tách dời xu thế mở rộng quan hệ đầu tư với nước ngoài.

- Vấn đề về môi trường phải luôn được quan tâm.

- Phát triển công nghiệp cần tránh làm tổn hại đến ngành du lịch.

- Giảm sử dụng nhiên liệu và phát khí thải vào khí quyển để giảm nguy cơ gây BĐKH

***b.Trong khu vực dịch vụ***

- Dịch vụ chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu kinh tế của vùng.

- Đang hoàn thiện cơ sở hạ tầng và phát triển đa dạng các hoạt động dịch vụ: thương mại, ngân hàng, tín dụng, thông tin, hàng hải, du lịch…

- Dẫn đầu cả nước về sự tăng trưởng nhanh và phát triển có hiệu quả các ngành dịch vụ.

***c. Trong nông, lâm nghiệp***

- ***Vấn đề thủy lợi có ý nghĩa hàng đầu***. Đồng thời phát triển thủy lợi để giảm thiểu tác động của BĐKH.

+ Nhiều công trình thủy lợi đã được xây dựng: Dầu Tiếng (Tây Ninh), Phước Hòa (Bình Dương, Bình Phước)

+ Nhờ giải quyết nước tưới về mùa khô và tiêu nước cho vùng thấp, diện tích và hệ số sử dụng đất tăng, khả năng bảo đảm lương thực, thực phẩm của vùng khá hơn.

- ***Việc thay đổi cơ cấu cây trồng*** nâng cao vị trí của vùng: vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn của cả nước.

+ Cây cao su: được thay thế bằng các giống cao su năng suất cao và ứng dụng công nghệ trồng mới, nên sản lượng không ngừng tăng.

+ Cây cà phê, hồ tiêu, điều: trở thành cây trồng chủ yếu của vùng.

+ Cây mía và đậu tương: chiếm vị trí hàng đầu trong các cây CN ngắn ngày.

**- *Định hướng:***

+ Cần bảo vệ vốn rừng trên vùng thượng lưu của các sông để giữ mực nước ngầm.

+ Cần phục hồi và phát triển các vùng rừng ngập mặn.

+ Các vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển cần được bảo vệ nghiêm ngặt.

***d. Trong phát triển tổng hợp kinh tế biển***

- Vùng biển và bờ biển thuận lợi để phát triển tổng hợp KT biển: khai thác tài nguyên sinh vật biển, khai thác khoáng sản vùng thềm lục địa, du lịch biển, giao thông vận tải biển.

- Khai thác dầu khí với quy mô lớn, có sự hợp tác và đầu tư nước ngoài đã tác động mạnh đến sự phát triển của vùng, nhất là tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Vũng Tàu là nơi nghỉ mát lí tưởng của vùng và là cơ sở dịch vụ lớn về khai thác dầu khí.

- Việc phát triển công nghiệp lọc, hóa dầu và các ngành dịch vụ khai thác dầu khí thúc đẩy sự thay đổi mạnh mẽ về cơ cấu kinh tế và sự phân hóa lãnh thổ của vùng Đông Nam Bộ.

- Cần đặc biệt chú ý giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường trong quá trình khai thác, vận chuyển và chế biến dầu mỏ.

**Nội dung 7: VẤN ĐỀ SỬ DỤNG HỢP LÍ VÀ CẢI TẠO TỰ NHIÊN**

**Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

**1. Các bộ phận hợp thành Đồng bằng sông Cửu Long**.

- Gồm 13 tỉnh, thành phố: (.....)

- Diện tích: hơn 40 nghìn km2, chiếm 12% diện tích).

- Được hợp thành bởi phần đất năm trong phạm vi tác động trực tiếp của sông Tiền, sông Hậu và phần đất nằm ngoài phạm vi tác động đó.

**2. Các thế mạnh và hạn chế chủ yếu**.

***a.Thế mạnh.***

**- Đất** là tài nguyên quan trọng hàng đầu của ĐBSCL.

\* Gồm 3 nhóm đất phù sa chính :

***+ Đất phù sa ngọt:*** 1,2 triệu ha (30% diện tích vùng) là đất tốt nhất thích hợp trồng lúa, phân bố ven sông Tiền, sông Hậu.

***+ Đất phèn***: 1,6 triệu ha (41% diện tích vùng), phân bố ở Đồng Tháp Mười, tứ giác Long Xuyên, vùng trũng ở Cà Mau.

***+ Đất mặn*** : 75 vạn ha (19% diện tích vùng), phân bố thành vành đai ven Biển Đông và vịnh Thái Lan 🡪 thiếu dinh dưỡng, khó thoát nước…

\* Đất khác: phân bố rải rác, diện tích không đáng kể.

**- Khí hậu cận xích đạo:**

+ Tổng số giờ nắng nhiều, chế độ nhiệt cao, ổn định. Lượng mưa lớn, tập trung vào các tháng mùa mưa.

+ Ngoài ra vùng ít chịu tai biến khí hậu gây ra, thuận lợi cho sx nông nghiệp.

**- Sông ngòi, kênh rạch chằng chịt,** cung cấp nước để thau chua, rửa mặn, phát triển giao thông, nuôi trồng thuỷ sản và đáp ứng nhu cầu sinh hoạt.

**- Sinh vật giàu có:**

+ Thảm thực vật chủ yếu là rừng ngập mặn (Cà Mau, Bạc Liêu) và rừng tràm (Kiên Giang, Đồng Tháp).

+ Động vật có giá trị hơn cả là cá và chim.

- **Tài nguyên biển phong phú:** với hàng trăm bãi cá, bãi tôm và hơn nửa triệu ha mặt nước nuôi trồng thủy sản.

**- Khoáng sản:** đá vôi (Hà Tiên, Kiên Lương), than bùn (U Minh, Tứ giác Long Xuyên), dầu khí ở thềm lục địa.

***b. Hạn chế.***

- Khí hậu: Mùa khô kéo dài, nước mặn xâm nhập vào đất liền, làm tăng độ chua, độ mặn trong đất.

- Đất phèn, đất mặn nhiều, cải tạo đất gặp nhiều khó khăn. Một số loại đất thiếu dinh dưỡng, hoặc đất quá chặt, khó thoát nước.

- Tài nguyên khoáng sản hạn chế.

- Vấn đề BĐKH: nước biển dâng cao, thu hẹp diện tích đất đồng bằng, tăng hiện tượng xâm nhập mặn 🡪 tác động đến sx NN và an ninh lương thực 🡪 cần phải chủ động ứng phó với những tác động của BĐKH trong vùng.

**3. Sử dụng hợp lý và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long**.

- So với Đồng bằng sông Hồng, thiên nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long có nhiều ưu thế hơn và đang được khai thác mạnh mẽ trong những năm gần đây.

- Việc sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên trở thành vấn đề cấp bách.

*+* Nước ngọt là vấn đề quan trọng hàng đầu vào mùa khô: đất nhiễm phèn, nhiễm mặn cần có nước để thau chua, rửa mặn.

+ Kết hợp thau chua, rửa mặn với việc tạo ra các giống lúa chịu phèn, chịu mặn.

- Cần phải duy trì và bảo vệ tài nguyên rừng.

+ Những năm gần đây, diện tích rừng bị giảm sút do khai khẩn đất hoang hóa, phát triển nuôi tôm, cháy rừng.

+ Rừng là nhân tố quan trọng đảm bảo sự cân bằng sinh thái, cần được bảo vệ.

- Việc sử dụng và cải tạo tự nhiên không tách khỏi hoạt động kinh tế của con người:

+ Cần chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh trồng cây công nghiệp, cây ăn quả có giá trị cao, kết hợp với nuôi trồng thủy sản và phát triển công nghiệp chế biến.

+ Đối với vùng biển: kết hợp mặt biển với đảo, quần đảo và đất liền để tạo nên thế kinh tế liên hoàn.

+ Đối với đời sống nhân dân: cần chủ động sống chung với lũ bằng các biện pháp khác nhau với sự hỗ trợ của nhà nước, đồng thời khai thác các nguồn lợi về kinh tế do lũ hàng năm đem lại.